TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/DS-ST
Ngày: 10/8/2017.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng giao khoán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Anh Thái.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt.**
2. Ông **Y Mưng Niê.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Ngọc** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc; "*Tranh chấp hợp đồng giao khoán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-DS ngày 28/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tránh nhiệm hữu hạn Một thành viên cà phê P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sỹ T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nhị H – chức vụ: Phụ trách pháp chế - Phòng TH (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017)

Địa chỉ: Km …., Quốc lộ …., xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H trình bày:

Ngày 08/12/2014, bà Nguyễn Thị D ký 02 hợp đồng giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ với Công ty TNHH MTV cà phê P. Theo hợp đồng này, bà D nhận chăm sóc vườn cây cà phê có tổng diện tích 1,84ha, với tổng số 2.004 cây cà phê (trong đó cà phê trồng năm 1995 là 436 cây, trồng năm 1996 là 294 cây, trồng năm 2003 là 11 cây, trồng năm 2010 là 207 cây, trồng năm 2012 là 1.056 cây). Thời gian giao nhận khoán là 06 năm, từ ngày 08/12/2014 đến ngày 31/3/2020. Hàng năm Công ty đầu tư phân bón theo định mức trong hợp đồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực

hiện chương trình cà phê bền vững, tổ chức tưới nước, quyết định các biện pháp quản lý, đầu tư, phòng trừ sâu bệnh ...., còn bà D thực hiện việc chăm sóc vườn cà phê dưới sự kiểm tra, giám sát của Công ty. Tổng sản lượng cà phê giao khoán bà D phải nộp cho Công ty của từng vụ thu hoạch sản phẩm được ghi chi tiết, cụ thể trong hợp đồng giao khoán.

Thời gian đầu nhận vườn cây, bà D đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng, nhập 100% sản lượng cà phê thu hoạch về Công ty và sản lượng vượt khoán Công ty đã thực hiện chi trả theo đúng quy định và các bên không có tranh chấp gì. Tuy nhiên vụ mùa cà phê 2016 – 2017, bà D đã không thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng giao – nhận khoán. Toàn bộ sản phẩm cà phê thu hái trên vườn cây bà D đã tự ý đem về nhà và không nhập về Công ty theo hợp đồng. Công ty đã thực hiện đôn đốc và nhắc nợ nhiều lần nhưng bà D vẫn cố tình vi phạm và có thái độ không hợp tác với Công ty để thực hiện hợp đồng giao – nhận khoán đã ký.

Sản lượng cà phê vụ mùa 2016 – 2017 bà D phải nộp về Công ty theo hợp đồng đã ký là 10.348 kg cà phê quả tươi (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, quỹ dự phòng vườn cây là 201 kg, quỹ phúc lợi người nhận khoán là 100 kg), ngoài ra bà D phải chi trả thêm 368 kg cà phê quả tươi cho chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 và 12.832.100 đồng tiền nợ đầu tư vật tư, phân bón. Ngày 26/12/2016, Công ty đã quyết định không thu quỹ dự phòng vườn cây và quỹ phúc lợi người nhận khoán, nên bà D chỉ còn nợ lại tổng số cà phê quả tươi là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100 đồng tiền đầu tư vật tư, phân bón. Mặc dù đã đôn đốc bà D trả sản lượng khoán nhiều lần nhưng bà D cố tình không trả và không hợp tác với Công ty. Vì vậy Công ty làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho Công ty tổng số cà phê quả tươi mùa vụ 2016 – 2017 là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100 đồng tiền đầu tư vật tư, phân bón.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị D phải thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cầy cà phê – cây bơ đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014, với lý do hiện nay Công ty vẫn đang thực hiện các điều khoản trong hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014. Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký hay không hoàn toàn do bà D quyết định, Công ty không áp đặt hay bắt buộc bà D phải tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bà D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án gây cản trở, khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Ngày 17/7/2017, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do nên phiên tòa phải hoãn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72, 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Việc ký kết hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014 là có thật, các bên đã thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng các vụ mùa 2014-2015, 2015-2016. Tuy nhiên vụ mùa 2016-2017 bà D đã không thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị D phải trả toàn bộ sản lượng khoán vụ mùa 2016-2017 là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100 đồng tiền đầu tư vật tư, phân bón.

Chấp nhận yêu cầu rút một phần nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D phải thực hiện các điều khoản trong hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014 vì không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp về hợp đồng giao khoán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu của đương sự: Nhận thấy rằng: Ngày 08/12/2014, Công ty TNHH MTV cà phê P ký 02 hợp đồng giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ với bà Nguyễn Thị D. Theo hợp đồng này, bà D nhận chăm sóc vườn cây cà phê

có tổng diện tích 1,84ha, với tổng số 2.004 cây cà phê. Thời gian giao nhận khoán là 06 năm, từ ngày 08/12/2014 đến ngày 31/3/2020. Hàng năm Công ty đầu tư phân bón theo định mức trong hợp đồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện chương trình cà phê bền vững, tổ chức tưới nước, quyết định các biện pháp quản lý, đầu tư, phòng trừ sâu bệnh .. còn bà D thực hiện việc chăm sóc vườn cà phê dưới sự kiểm tra, giám sát của Công ty. Tổng sản lượng cà phê giao khoán bà D phải nộp cho Công ty của từng vụ thu hoạch sản phẩm được ghi chi tiết, cụ thể trong hợp đồng giao khoán. Thời gian đầu nhận vườn cây, bà D đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng, nhập 100% sản lượng cà phê thu hoạch về Công ty và sản lượng vượt khoán Công ty đã thực hiện chi trả theo đúng quy định và các bên không có tranh chấp gì. Tuy nhiên vụ mùa cà phê 2016 – 2017, bà D đã không thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng giao – nhận khoán. Toàn bộ sản phẩm cà phê thu hái trên vườn cây bà D đã tự ý đem về nhà và không nhập về Công ty theo hợp đồng. Sản lượng cà phê vụ mùa 2016 – 2017 bà D phải nộp về Công ty theo hợp đồng đã ký là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100 đồng tiền đầu tư vật tư, phân bón.

Mặc dù đã đôn đốc bà D trả sản lượng khoán nhiều lần nhưng bà D cố tình không trả và không hợp tác với Công ty. Vì vậy Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho Công ty tổng số cà phê quả tươi mùa vụ 2016 – 2017 là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100 đồng tiền đầu tư vật tư, phân bón.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc cây cà phê – cây bơ số 23/HĐGK và số 24/HĐGK ký kết ngày 08/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016, bà Nguyễn Thị D đã thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng. Vụ mùa cà phê 2016 – 2017, bà D đã không thực hiện cam kết trong hợp đồng, có thái độ không hợp tác và chống đối Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà D tham gia tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên bà D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án, như vậy bà D đã tự làm mất đi quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cà phê P đối với bà Nguyễn Thị D là có căn cứ, buộc bà D phải trả cho Công ty tổng số cà phê quả tươi mùa vụ 2016 – 2017 là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100 đồng tiền đầu tư vật tư, phân bón, là phù hợp với Điều 8, 9, 10 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng

thủy sản trong các Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh và Điều 412, 414 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị D phải thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút là phù hợp với Điều 244 BLTTDS. Công ty TNHH MTV cà phê P được quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu 5.797.000 đồng án phí DSST *(giá cà phê quả tươi ngày 10/8/2017 là 9.900đ/kg)*. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV cà phê P số tiền 2.958.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0038215 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là phù hợp với khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 8, 9, 10 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Điều 412, 414 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cà phê P. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho Công ty tổng số cà phê quả tươi mùa vụ 2016 – 2017 là 10.415 kg (trong đó sản lượng nộp khoán là 10.047 kg, chi phí bảo vệ vụ mùa 2014 – 2015, 2015 – 2016 và vụ mùa 2016 – 2017 là 368 kg) và 12.832.100đ (mười hai triệu tám trăm ba mươi hai ngìn một trăm đồng) tiền đầu tư vật tư, phân bón.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền 12.832.100 đồng trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Đình chỉ giải quyết phần rút yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cà phê P buộc bà Nguyễn Thị D phải thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng kinh tế về việc giao – nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê – cây bơ số 23/HĐGK và số 24/HĐGK đã ký giữa Công ty TNHH MTV cà phê P với bà Nguyễn Thị D ngày 08/12/2014. Công ty TNHH MTV cà phê P được quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu 5.797.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV cà phê P số tiền 2.958.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số AA/2014/0038215 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Anh Thái